

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 23-01-2026

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Quốc Văn

Bà Hồ Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Ông Phạm Xuân L, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày của bà Nguyễn Ngọc B:

Hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc B và ông Phạm Xuân L tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 05/01/2004 tại UBND xã T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, bà B và ông L thường xuyên cãi vã với nhau, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên bà Nguyễn Ngọc B yêu cầu ly hôn với chồng là ông Phạm Xuân L.

Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc B và ông Phạm Xuân L có 01 người con chung tên Phạm Thùy D, sinh ngày 20/8/2004 (giới tính nữ), con chung đã trưởng thành nên bà B không đặt ra yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc B xác định bà và ông Phạm Xuân L không có tài sản chung nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1.1] Bà Nguyễn Ngọc B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Xuân L. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông Phạm Xuân L có nơi cư trú tại ấp X, xã H, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Phạm Xuân L đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc B và ông Phạm Xuân L tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 05/01/2004 tại UBND xã T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên bà B yêu cầu ly hôn với ông L. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông L đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà B xác định không còn tình cảm với ông L, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông L vắng mặt, điều này cho thấy ông L không có thiện chí đoàn tụ với bà B. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Nguyễn Ngọc B và ông Phạm Xuân L được ly hôn là phù hợp.

[2.2] Con chung: Bà Nguyễn Ngọc B và ông Phạm Xuân L có 01 người con chung tên Phạm Thùy D, sinh ngày 20/8/2004 (giới tính nữ), hiện đã trưởng thành, tự lo cho bản thân được. Tại phiên tòa, bà B không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc B xác định bà và ông Phạm Xuân L không có tài sản chung, nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án không có ai đặt ra yêu cầu gì về nợ chung đối với ông bà nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc B phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc B về việc ly hôn đối với ông Phạm Xuân L.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc B và ông Phạm Xuân L được ly hôn.

Về con chung: Cháu Phạm Thùy D, sinh ngày 20/8/2004 (giới tính nữ) đã trưởng thành, bà B không đặt ra yêu cầu xem xét.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc B xác định bà và ông Phạm Xuân L không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc B nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 29 tháng 10 năm 2025, bà B có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003522 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ và chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Trí Phải;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lan Anh

